

ĐỘ TUỔI: MẪU GIÁO 4-5 TUỔI

(Kèm theo Kế hoạch số 176KH-MNĐH ngày 20/08/2025 của trường Mầm non Đường Hoa)

I. Mục tiêu, nội dung chăm sóc, nuôi dưỡng

MÃ HÓA MỤC TIÊU	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
Tổ chức ăn		
MTCS 1	- Trẻ có chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi	- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 -1320 Kcal.</i> + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.</i>
MTCS 2	- Trẻ có số lượng bữa ăn phù hợp với độ tuổi (bữa chính, 1 bữa phụ)	- Số bữa ăn tại trường: Một bữa chính và một bữa phụ. + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:</i> - Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. - Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng

		lượng khẩu phần. - Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.
MTCS 3	- Trẻ được ăn theo đúng thực đơn theo mùa, ngày, tuần phù hợp với địa phương	- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa
MTCS 4	- Trẻ được uống đủ nước trong ngày theo quy định (1,6-2l)	- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
Tổ chức ngủ		
MTCS 5	- Trẻ được ngủ 1 giấc buổi trưa 150 phút	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).
Vệ sinh		
MTCS 6	- Trẻ được chăm sóc vệ sinh cá nhân	- Trẻ biết tự vệ sinh cá nhân trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, vệ sinh cá nhân sạch sẽ mọi lúc mọi nơi
MTCS 7	- Môi trường lớp học, đồ dùng, đồ chơi, được vệ sinh đảm bảo; Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải	- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.
Chăm sóc sức khỏe và an toàn		
MTCS 8	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: * Cân nặng: + Trẻ trai: 14,1 - 24,2 kg + Trẻ gái: 13,7 - 24,9 kg * Chiều cao + Trẻ trai: 100,7 - 119,2 cm + Trẻ gái: 99,9 - 118,9 cm	- Tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi của lớp mẫu giáo 4 tuổi. - Khám sức khỏe định kỳ theo quy định (2 lần/năm) - Cân, đo trẻ theo định kỳ (cân 3 tháng/lần, đo 3 tháng/lần) - Đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ trên biểu đồ chính xác

		- Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì: Xây dựng kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ, tổ chức cân đo 1 lần/tháng đối với trẻ SDD, béo phì
MTCS 9	- Trẻ được phòng tránh các bệnh thường gặp và theo dõi tiêm chủng; Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp:	- Phòng tránh các bệnh thường gặp sởi, thủy đậu, đau mắt đỏ, cúm A, cúm B... Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

II. Mục tiêu, nội dung giáo dục

LĨNH VỰC	MÃ HÓA MỤC TIÊU	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
THỂ CHẤT	MT 1	- Trẻ có thể thực hiện đúng nhịp nhàng, đầy đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc, bài hát.	- Hô hấp: + Hít vào thật sâu, thở ra từ từ. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.

	MT 2	- Trẻ kiểm soát được cơ thể khi thực hiện được các vận động đi.	+ Đi bằng gót chân. + Đi khuyu gối + Đi lùi liên tiếp khoảng 3m. + Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn + Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Đi thay đổi hướng(dích dắc) theo hiệu lệnh
	MT 3	- Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi.	+ Đi trên ghế thể dục + Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát
	MT 4	- Trẻ kiểm soát được cơ thể khi thực hiện các vận động chạy	- Chạy theo bóng và bắt bóng. - Chạy 15m trong khoảng 10 giây.
	MT 5	- Trẻ có thể chạy thay đổi tốc độ, chạy theo đường dích dắc.	- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc (3- 5 điểm). - Chạy chậm 60m - Chạy chậm 80m
	MT 6	- Trẻ biết: Bật xa tối thiểu 40 cm	- Bật liên tục về phía trước. - Bật tách chân, khớp chân qua 5ô. - Bật qua vật cản cao 10 - 15 cm. - Bật xa 30cm - Bật xa 40 cm
	MT 7	- Trẻ có thể: Nhảy xuống từ độ cao 35 cm.	- Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 35cm)
	MT 8	- Trẻ có thể: Nhảy lò cò được ít nhất 3m.	- Nhảy lò cò 3m.
	MT 9	- Trẻ có thể phối hợp tay, mắt trong vận động: Đập, bắt bóng.	- Đập và bắt bóng tại chỗ.
	MT 10	- Trẻ có thể phối hợp tay, mắt trong các vận động động tung, ném, bắt, chuyền.	+ Ném xa bằng 1 tay. + Ném xa bằng 2 tay. + Ném trúng đích thẳng đứng + Ném trúng đích nằm ngang

			+ Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.
	MT 11	- Trẻ biết phối hợp tay, mắt trong vận động tung, bắt bóng với người đối diện.	+ Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay. + Tung bắt bóng với người đối diện.
	MT 12	- Trẻ có thể thực hiện nhanh nhẹn, khéo léo trong các bài tập tổng hợp.	+ Bò đích rúc qua 5 điểm. + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. + Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30 cm.
	MT 13	- Trẻ thực hiện được động tác: Trèo, lên xuống 5 giống thang.	+ Trèo lên, xuống 5 giống thang.
	MT 14	- Trẻ biết tự cài, cởi cúc, khâu, buộc dây giày.	- Tự cài cúc và cởi cúc áo, quần. - Thực hành gấp quần áo đơn giản - Biết khâu, buộc dây giày.
	MT 15	- Trẻ có thể phối hợp được các cử bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số hoạt động	- Vẽ đường tròn, nét thẳng, nét xiên. Tô, vẽ hình. - Vẽ trường, đồ chơi, nhà cây...
	MT 16	- Trẻ có thể cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản.	- Xé, cắt đường thẳng. - Cắt thành thạo theo đường thẳng.
	MT 17	- Trẻ biết lắp ghép, xếp chồng 10- 12 khối.	- Lắp ghép hình. - Xây dựng, lắp ráp với 10 đến 12 khối.
	MT 18	- Trẻ có thể thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi,... - Gập, mở lần lượt từng ngón tay. - Gập giấy: - Biết tết sợi đôi. - Làm tóc cho búp bê, bện chổi rom.

GIÁO DỤC DINH DƯỠNG SỨC KHỎE		
MT 19	- Trẻ có thể nhận biết được một số thực phẩm cùng nhóm.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng): + Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá, trứng, sữa, tôm, cua + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả chín, củ.. + Nhóm thực phẩm giàu chất bột, đường: Gạo, ngô, khoai, sắn, đậu đỗ + Nhóm thực phẩm giàu chất béo: Dầu ăn, mỡ lợn, bơ, lạc, vừng.
MT 20	- Trẻ có thể nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản	- Trẻ nói tên và nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn: Rau luộc, nấu canh, rau xào; thịt có thể luộc, rán, kho, hầm; gạo nấu cơm, nấu cháo; trứng có thể rán, luộc; cá có thể rán, nấu canh, kho.
MT 21	- Trẻ có thể biết cách chế biến một số món ăn đơn giản	- Thực hành chế biến một số món ăn đơn giản như: Làm bánh trôi nước, nặn bánh trôi, pha nước cam, hoa quả dầm...
MT 22	- Trẻ biết ăn nhiều để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì,...)
MT 23	- Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, và sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.	- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Trẻ tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh.
MT 24	- Trẻ biết cách đánh răng, lau mặt.	- Tập luyện kỹ năng đánh răng, lau mặt. - Trẻ có ý thức giữ vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.

	MT 25	- Trẻ có thể thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở.	- Hướng dẫn trẻ cách mặc quần áo phù hợp với thời tiết. - Trẻ tự thay quần, áo khi bị ướt, ẩm, bẩn. và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
	MT 26	- Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi, đổ thức ăn	- Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn. - Trẻ xúc ăn gọn gàng không rơi vãi, đổ thức ăn.
	MT 27	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống	- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn, nhai kỹ. - Không đùa nghịch không làm rơi vãi thức ăn. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
	MT 28	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe: Uống nước đã đun sôi, ăn ngủ đúng giờ giấc, lựa chọn mặc quần áo phù hợp với thời tiết, ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết, đi tất khi trời lạnh, khi đi nắng đi mưa biết đội mũ, đi dép, giày khi đi học. - Dạy trẻ hiểu về lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.
	MT 29	- Trẻ biết nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm khi bị nhắc nhở.	+ Gọi tên một số đồ vật gây nguy hiểm như: bàn là, bếp điện bếp ga, phích nước nóng, dao, kéo, đồ dùng đồ chơi có cạnh sắc nhọn, bắn, móc...là những vật dụng nguy hiểm không được đến gần. + Sự nguy hiểm, không an toàn khi chơi những đồ chơi đó: Làm chảy máu, gây bệnh... + Không chơi, sử dụng những đồ vật có thể gây nguy hiểm đó.

	MT 30	- Trẻ nhận biết một số hành động nguy hiểm và biết phòng tránh khi được nhắc nhở.	- Biết nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: Biết không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc; biết không tự ý uống thuốc khi chưa được sự đồng ý của người lớn; biết không được ăn những loại thức ăn ôi thiu, ăn lá quả lạ dễ bị ngộ độc. - Giáo dục trẻ không leo trèo lên bàn ghế, lan can, cây cối, quăng ném đồ chơi, sờ vào ổ điện.
	MT 31	- Dạy trẻ biết những nơi nguy hiểm, không an toàn, không được chơi gần.	- Trẻ nhận ra những nơi như: Hồ, ao, ruộng, nước, bể chứa nước, ổ cắm điện, là nơi nguy hiểm không đến gần. - Không được ra sông, suối, ao, hồ chơi và tắm.
	MT 32	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn	- Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. - Đi bên lề đường bên phải, không được nô đùa chạy dưới lòng đường. - Giáo dục trẻ khi đi đâu phải xin phép cô - Đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.
	MT 33	- Trẻ không đi theo người lạ	- Không tự ý theo người lạ ra khỏi trường, lớp khi chưa được phép của cô giáo. - Không tự ý nói chuyện, mở cửa cho người lạ vào nhà. - Không nhận quà và ăn thức ăn của người lạ cho, phải hỏi và được sự đồng ý của người thân mới được nhận quà.

	MT 34	- Trẻ nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và cần gọi người lớn giúp đỡ	- Trẻ biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn/người rơi xuống nước; ngã, chảy máu... - Dạy trẻ khi ốm phải uống thuốc và nhờ người lớn cho uống thuốc. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc: trẻ nói tên mình, tên bố mẹ, địa chỉ nhà.
	MT 35	- <i>Trẻ biết một số nguồn nhiệt, vật dụng dễ cháy, nổ. Biết cách phòng tránh</i>	- <i>Nhận biết các nguồn nhiệt, nguồn lửa, vật dụng dễ cháy và cách phòng tránh</i> - <i>Nhận biết các tín hiệu, phương tiện chữa cháy (Chuông báo cháy, xe chữa cháy)</i> - <i>Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.</i>
TÌNH CẢM - XÃ HỘI		<i>PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM</i>	
	MT 36	- Trẻ có thể nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.	- Trẻ biết tên, tuổi giới tính của bản thân. - Họ và tên các thành viên trong gia đình
	MT 37	- Trẻ có khả năng nói được nhiều điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích của bé, những điều bé thích, không thích - Khả năng của bản thân bé: Những việc gì bé có thể làm được.
	MT 38	- Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. - Trẻ chơi các trò chơi, biết chơi hòa thuận với bạn, tham gia vào các hoạt động nhóm.
	MT 39	- Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)	- Trẻ có ý thức thực hiện công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi). - Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao.
	MT 40	- Trẻ có khả năng nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
	MT 41	- Trẻ có thể biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn,	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử

		sợ hãi, tức giận, nhạc nhiên	chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
	MT 42	- Trẻ có thể nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ qua tranh vẽ, hình ảnh. - Trẻ tỏ lòng kính yêu Bác Hồ.
	MT 43	- Trẻ có khả năng thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Thể hiện tình cảm với Bác Hồ - Yêu thích các bài hát, bài thơ, câu chuyện về bác Hồ.
	MT 44	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích văn hóa... của địa phương, quê hương, đất nước	- Biết một số cảnh đẹp, di tích văn hóa của địa phương, quê hương, đất nước. - Quan tâm đến Cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hoá truyền thống (trang phục, món ăn, ...) của quê hương, đất nước.
		<i>PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG XÃ HỘI</i>	
	MT 45	- Trẻ có khả năng thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình	- Dạy trẻ một số quy định ở lớp và gia đình: Vâng lời ông bà bố mẹ, cô giáo; muốn đi chơi phải xin phép; đồ đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ. - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng : + Giữ trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường. + Giờ ngủ không làm ồn, giờ ăn không nói chuyện.
	MT 46	- Trẻ có khả năng trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật).	- Quan tâm, giúp đỡ bạn - Trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật).
	MT 47	-Trẻ biết chú ý nghe cô, bạn nói	- Trẻ chú ý nghe cô, các bạn nói. - Phân biệt hành vi “đúng”- “sai”, “tốt”- “xấu”.
	MT 48	- Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
	MT 49	- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Có ý thức chờ đến lượt. - Hợp tác, đoàn kết, giúp đỡ các bạn trong lớp.

	MT 50	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Tưới nước, làm cỏ cho cây. - Bảo vệ, chăm sóc cây. - Bảo vệ, chăm sóc con vật
	MT 51	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Dạy trẻ có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường. - Vệ sinh bỏ rác vào thùng rác theo quy định
	MT 52	- Trẻ biết không bẻ cành, bứt hoa.	- Trẻ biết giữ gìn, không bẻ cành, ngắt hoa. - Mô tả được hành vi đúng, sai trong ứng xử với môi trường xung quanh.
	MT 53	- Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Dạy trẻ biết tiết kiệm điện, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng; - Lấy nước vừa đủ dùng, khóa vòi nước sau khi rửa tay.
	MT 54	<i>Trẻ nhận biết và có một số kỹ năng phòng tránh một số dấu hiệu nguy hiểm liên quan đến bản thân</i>	<i>Nhận biết các dấu hiệu nguy hiểm, luyện tập các kỹ năng cách phòng tránh:</i> - <i>Tai nạn thương tích</i> - <i>Phòng chống xâm hại trẻ em</i> - <i>Bạo lực học đường</i> - <i>Phòng tránh đuối nước</i> - <i>Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ</i>
NGÔN NGỮ VÀ GIAO TIẾP	MT 55	PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NGHE	
		- Trẻ có khả năng thực hiện được 2,3 yêu cầu liên tiếp, Ví dụ ‘cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng’.	- Trẻ hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc với trẻ. (Bố mẹ, anh chị, tên bạn, tên những người thân, đồ dùng trong sinh hoạt như đồ dùng để ăn, để uống quen thuộc). - Hiểu và làm theo được 2,3 yêu cầu.

	MT 56	- Trẻ có thể hiểu nghĩa của từ khái quát.	- Hiểu được các từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng, quần áo, đồ chơi, hoa, quả, con vật.
	MT 57	- Trẻ có thể lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nghe ngữ điệu thể hiện các sắc thái tình cảm khác nhau như: nói to, nói nhỏ, nói nhẹ nhàng, nói cáu gắt. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
	MT 58	- Trẻ nghe hiểu được một số nội dung truyện kể, truyện đọc; cảm nhận được vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
	MT 59	<i>PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NÓI</i>	
		- Trẻ có khả năng nói rõ ràng để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó - Trẻ nói rõ ràng để người nghe có thể hiểu được.
	MT 60	- Trẻ có thể sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm hiện tượng, hình dáng	- Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm hiện tượng, hình dáng - Trả lời và đặt các câu hỏi: "Ai?", "Cái gì?", "ở đâu?", "Khi nào?"; "Để làm gì?".
	MT 61	- Trẻ có thể sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu khẳng định, câu phủ định.
	MT 62	Trẻ có thể kể lại sự việc theo trình tự	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết đã được nghe theo trình tự. - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.

	MT 63	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao	- Đọc thuộc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè... - Thể hiện tình cảm qua bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè
	MT 64	- Trẻ có khả năng kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại chuyện đã nghe. - Kể lại chuyện đã được nghe cho bố mẹ hoặc bạn và vào các trang truyện có mở đầu và kết thúc.
	MT 65	- Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của các nhân vật trong truyện. - Cô gợi ý trẻ nhập vai đóng kịch. - Trẻ đóng kịch.
	MT 66	- Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Trẻ sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Cô dạy trẻ cách ứng xử trong giao tiếp.
	MT 67	- Trẻ có thể điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
	LÀM QUEN VỚI VIỆC ĐỌC VÀ VIẾT		
	MT 68	- Trẻ có khả năng chọn sách để xem.	- Biết chọn sách để xem. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
	MT 69	- Trẻ có thể mô tả lại hành động của các nhân vật trong tranh.	- Thể hiện lại các hành động của nhân vật trong truyện - Mô tả lại hành động của các nhân vật trong tranh.
	MT 70	- Trẻ có thể cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. ‘Đọc’ sách theo tranh minh hoạ ‘đọc vẹt’	- Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.
	MT 71	- Trẻ có khả năng nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, biển báo giao thông nơi nguy hiểm.	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Khăn mặt, tủ đựng quần áo, kí hiệu về thời tiết, bảng hiệu giao thông, quảng cáo, chữ viết, cấm hút thuốc, cột

			xăng, nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra- vào, cấm lửa, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ....
	MT 72	- Trẻ có khả năng sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	- Dạy trẻ làm quen với cách đọc tiếng Việt: + Hướng đọc: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Dạy trẻ làm quen với cách viết tiếng Việt: + Hướng viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ;
	MT 73	- Trẻ có khả năng nhận biết một số chữ cái và biết tập tô, tập đồ theo các nét chữ.	- Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.
	MT 74	- Trẻ biết giữ gìn, bảo vệ sách.	- Để sách đúng nơi quy định. - Giữ gìn sách không ném, vẽ bậy, xé, làm nhăn, nhàu, hỏng sách, ngồi, dẫm lên sách.
NHẬN THỨC	MT 75	<i>KHÁM PHÁ KHOA HỌC</i>	
		- Trẻ biết tên gọi, đặc điểm, chức năng của các giác quan và các bộ phận của cơ thể.	- Tìm hiểu về tên gọi các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Biết đặc điểm, chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Biết giữ gìn vệ sinh cơ thể sạch sẽ.

	MT 76	- Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự giống nhau, khác nhau của các đồ dùng, đồ chơi được quan sát.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng sinh hoạt, ăn uống, giải trí, vệ sinh và một số đồ chơi quen thuộc ở lớp, ở nhà. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng sinh hoạt, ăn uống, giải trí, vệ sinh và một số đồ chơi quen thuộc ở lớp, ở nhà. - So sánh sự giống và khác nhau của 2, 3 đồ dùng, đồ chơi - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1, 2 dấu hiệu
	MT 77	- Có một số hiểu biết về phương tiện giao thông gần gũi.	- Biết tên gọi của một số phương tiện giao thông gần gũi: Xe đạp, xe máy, ô tô, tàu, thuyền, ca nô, máy bay, khinh khí cầu, tàu hỏa.... - Dạy trẻ biết đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông. - Biết phân loại các phương tiện giao thông theo 1- 2 dấu hiệu.
	MT 78	- Trẻ nhận biết được một số đặc điểm nổi bật của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.	- Tìm hiểu đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - So sánh sự giống và khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1, 2 dấu hiệu
	MT 79	- Trẻ biết được mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.	- Trẻ quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc bảo vệ con vật, cây - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với đời sống con người, con vật và cây.
	MT 80	- Trẻ có thể nhận biết một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày, vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	- Các nguồn nước trong môi trường sống - Trẻ nhận biết một số đặc điểm, tính chất của nước - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ

			nguồn nước. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất đá, cát, sỏi.
	MT 81	- Trẻ có thể nhận biết biết về không khí, ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với cuộc sống.	- Nhận biết, tìm hiểu về Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với cuộc sống con người, con vật và cây qua tranh ảnh, video.
	MT 82	- Trẻ có thể nhận biết sự khác nhau giữa ngày và đêm	- Nhận biết được ngày và đêm - Biết so sánh sự giống và khác nhau giữa ngày và đêm.
	MT 83	- Trẻ có thể nhận biết một số hiện tượng thời tiết theo mùa.	- Nhận biết được một số hiện tượng thời tiết theo mùa. - Ảnh hưởng của một số hiện tượng thời tiết đến sinh hoạt của con người.
	MT 84	<i>- Trẻ được làm quen với máy tính. Trẻ biết thực hiện một số thao tác đơn giản (đi, nhấp chuột, gõ bàn phím).</i>	<i>- Biết cách bật, mở máy tính, sử dụng chuột.</i> <i>- Biết tên gọi, công dụng một số bộ phận của máy tính.</i>
	MT 85	<i>- Trẻ biết sử dụng bàn cảm ứng tương tác, tivi thông minh, rô bốt thông minh.</i>	<i>- Nhận dạng các chữ cái và phát âm được chữ cái đó, chơi trò chơi chữ cái với máy tính, bàn cảm ứng thông minh.</i> <i>- Nhận biết chữ số, số lượng, số thứ tự trong phạm vi 5; So sánh số lượng trong phạm vi 5.</i> <i>- Nhận biết gọi tên các hình (Hình vuông, hình chữ nhật, hình tròn, hình tam giác) trên máy tính.</i> <i>- Khám phá sự vật hiện tượng qua hình ảnh, video, trò chơi trên máy tính.</i> <i>- Biết cách chơi trò chơi với rô bốt thông minh, thành thạo.</i>
	MT 86	<i>KHÁM PHÁ XÃ HỘI</i>	
		- Trẻ có thể nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Gọi ý trẻ nói: + Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân .

	MT 87	- Trẻ có thể nói được họ, tên, công việc, của bố mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình khi được hỏi, trò chuyện.	- Gợi ý trẻ nói: + Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. + Một số nhu cầu của gia đình + Địa chỉ của gia đình, số điện thoại của ông bà, bố mẹ, anh chị.
	MT 88	- Trẻ có thể nói được tên, địa chỉ của trường, lớp, họ tên và công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện	+ Tên, công việc của cô giáo và các bác bảo vệ, cấp dưỡng ở trường. + Tên, địa chỉ của trường, lớp. Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non;
	MT 89	- Trẻ có thể nói được tên, một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Biết tên các bạn trong lớp. - Đặc điểm, sở thích của các bạn. - Các hoạt động của trẻ ở trường.
	MT 90	- Trẻ kể được tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi..của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến trong xã hội, nghề truyền thống ở địa phương: Nghề thợ mộc, nghề nông, giáo viên, công an, bác sĩ, thợ xây, dịch vụ...
	MT 91	- Trẻ kể tên được một số lễ hội và nói được một số đặc điểm của một số ngày lễ hội, Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử quê hương, đất nước của địa phương.	- Gợi ý để trẻ nói: - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của địa phương: Thăm quan đồng lúa, đồi keo.... - Tên một số danh lam thắng cảnh của tỉnh Quảng Ninh: Biển trà cổ, Vịnh Hạ Long ...
	MT 92	- Trẻ biết được một số quy định giao thông đơn giản	- Trẻ biết: - Gợi ý để trẻ nói: + Một số luật giao thông: đội mũ khi tham gia giao thông, đi bên phải đường, qua đường phải có người lớn dắt - Tìm hiểu một số biển báo đơn giản... - Tìm hiểu đèn tín hiệu giao thông.

LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KHÁI NIỆM SƠ ĐẲNG VỀ TOÁN			
	MT 93	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh và hỏi bao nhiêu, là số mấy.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Trẻ có khả năng quan tâm đến chữ số, số lượng, thích đếm mọi vật ở xung quanh mình trong phạm vi 10. + Đếm đến 1, nhận biết các nhóm đối tượng có số lượng 1, nhận biết chữ số 1. + Đếm đến 2, nhận biết các nhóm đối tượng có số lượng 2, nhận biết chữ số 2. + Đếm đến 3, nhận biết các nhóm đối tượng có số lượng 3, nhận biết chữ số 3. + Đếm đến 4, nhận biết các nhóm đối tượng có số lượng 4, nhận biết chữ số 4. + Đếm đến 5, nhận biết các nhóm đối tượng có số lượng nhận biết chữ số 5.
	MT 94	- Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau - Nói được nhóm nào có nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau. + Thêm, bớt nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 1. + Thêm, bớt nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 2.
	MT 95	- Trẻ có thể gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách, gộp nhóm đối tượng trong phạm vi 2 - Tách, gộp nhóm đối tượng trong phạm vi 3 - Tách, gộp nhóm đối tượng trong phạm vi 4 - Tách, gộp nhóm đối tượng trong phạm vi 5
	MT 96	- Trẻ có thể tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Tách một nhóm đối tượng 5 thành 2 nhóm nhỏ hơn. - Tách, gộp nhóm đối tượng trong phạm vi 2 - Tách, gộp nhóm đối tượng trong phạm vi 3 - Tách, gộp nhóm đối tượng trong phạm vi 4 - Tách, gộp nhóm đối tượng trong phạm vi 5

	MT 97	- Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự	- Nhận biết được chữ số từ 1 - 5 - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5. - Biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự
	MT 98	- Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày: Số nhà, biển số xe, số điện thoại, số thứ tự...
	MT 99	- Trẻ có thể xếp tương ứng 1-1, ghép đôi các đối tượng.	- Trẻ có khả năng xếp tương ứng 1-1, ghép đôi
	MT 100	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc
	MT 101	- Trẻ có thể sử dụng dụng cụ để đo độ dài, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.
	MT 102	- Trẻ có thể sử dụng dụng cụ đo dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo dung tích bằng một đơn vị đo.
	MT 103	- Trẻ có khả năng chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật). Sử dụng các nguyên vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Nhận biết, phân biệt các hình: Hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. - Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu
	MT 104	- Trẻ có khả năng sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái). - Xác định vị trí của bản thân so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).
	MT 105	- Trẻ có thể mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết, gọi tên các buổi trong ngày. - Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối - Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày. -

THẨM Mĩ	ÂM NHẠC		
	MT 106	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm, nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc. - Yêu thích vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, trong cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	MT 107	- Trẻ có khả năng chú ý nghe, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc.	- Nghe và thể hiện cảm xúc, hành động của bản thân theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. - Trẻ được nghe các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)
	MT 108	- Trẻ có khả năng hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ.	- Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời bài hát - Thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ.
	MT 109	- Trẻ có khả năng vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các hình thức: vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu của bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu chậm.
	MT 110	<i>- Trẻ có khả năng lựa chọn và thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc theo phương pháp mới.</i>	<i>- Lựa chọn các hình thức vận động theo nhạc. - Thể hiện các hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc theo khả năng sáng tạo của trẻ. - Trẻ có khả năng tham gia các hình thức đổi mới của hoạt động âm nhạc.</i>
	MT 111	- Trẻ có khả năng lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát: Sắc xô, phách tre, mõ, trống.. - Gõ đệm sắc xô, phách tre, mõ, trống... đúng theo nhịp điệu bài hát.

TẠO HÌNH		
MT 112	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ, và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (màu sắc, hình dạng, kích thước, hình dáng, bố cục) của các tác phẩm tạo hình.	- Thể hiện thái độ, lời nói, sử dụng các từ gọi cảm trước vẻ đẹp của tác phẩm tạo hình muốn được sờ và cảm nhận, thể hiểu biết của mình trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống.
MT 113	- Trẻ có khả năng làm lõm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để tạo thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Sử dụng các thao tác nặn cơ bản như: Làm lõm đất, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong, lăn tròn, đồ bẹt để tạo thành sản phẩm tạo hình cân đối, hài hoà đẹp mắt.
MT 114	- Trẻ có thể vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên ngang, cong, tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các nét vẽ cơ bản trong tạo hình như: Nét thẳng, nét xiên, nét ngang, cong tròn để tạo ra tác phẩm tạo hình cân đối hài hoà.
MT 115	- Trẻ có thể xé, cắt theo đường thẳng, đường cong, đường tròn và dán thành sản phẩm có màu sắc bố cục cân đối.	- Sử dụng các kỹ năng cắt, xé theo đường thẳng, đường cong, đường tròn. - xếp hình và dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét.
MT 116	- Trẻ có khả năng phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Sử dụng các khối hình có màu sắc, kích thước, khác nhau để tạo ra sản phẩm tạo hình đẹp, cân đối - Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.
MT 117	- Trẻ có thể phối hợp các nguyên liệu - vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, nguyên vật liệu phế phẩm, để tạo ra sản phẩm.
MT 118	- Trẻ có khả năng nói lên ý tưởng tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
MT 119	- Trẻ có khả năng nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng /đường nét.
MT 120	- Trẻ có khả năng đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm mình tạo ra.

III. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ, THỜI GIAN THỰC HIỆN

TT	TÊN CHỦ ĐỀ	CÁC SỰ KIỆN	SỐ TUẦN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	Trường mầm non của bé	- Ngày hội đến trường của bé - Tết Trung thu	3	Từ ngày 08/09 - 26/09/2025
2	Bản thân	- Ngày thành lập Hội LHPNVN 20/10	4	Từ ngày 29/09 - 24/10/2025
3	Gia đình thân yêu của bé	- Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11	4	Từ ngày 27/10 - 21/11/2025
4	Nghề nghiệp	- Ngày thành lập QĐNDVN	4	Từ ngày 24/11 - 19/12/2025
5	Thế giới động vật		4	Từ ngày 22/12 - 16/01/2026
6	Thế giới thực vật	- Ngày Tết Nguyên đán	4	Từ ngày 19/01 - 13/02/2026
<i>Nghỉ tết từ 16/02/2026 đến hết ngày 28/02/2026</i>				
7	Phương tiện và các quy định giao thông	- Ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3	4	Từ ngày 02/03 - 27/03/2026
8	Nước - Hiện tượng thiên nhiên		4	Từ ngày 30/03 - 24/04/2026
9	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ	- Giải phóng miền Nam 30/4, ngày Quốc tế Lao động 01/5 và ngày sinh nhật Bác 19/5	4	Từ ngày 27/04 - 22/05/2026

Đường Hoa, ngày 20 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Vân Anh